

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 26/2021/TLST- DS ngày 11 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ; Trụ sở chính: Tháp BIDV, 35 H, phường L, quận H, thành phố H; Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị; Người được ủy quyền: Bà Lê Thị Kim N - chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch quận C (Theo văn bản ủy quyền số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ và văn bản ủy quyền số 214/QĐ-BIDV.SHA ngày 22/3/2021 của ông Nguyễn Quảng Đ ủy quyền cho bà Lê Thị Kim N).

- **Bị đơn:** Ông Ngô Ngọc T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đ.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Ngô Ngọc P, sinh năm 1993, HKTT: Thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đ. Chỗ ở hiện tại: Thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Ngô Ngọc T thống nhất còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày 30/6/2021 là 312.383.616 đồng (Ba trăm mười hai triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn, sáu

tám mươi sáu đồng) (trong đó: nợ gốc: 229.187.000 đồng; lãi trong hạn: 68.017.284 đồng; lãi quá hạn: 15.179.332 đồng).

Về phương thức trả nợ cụ thể như sau:

+ Ngày 30/11/2021, ông Ngô Ngọc T thanh toán cho Ngân hàng 121.000.000 đồng (một trăm hai mươi một triệu đồng chẵn).

+ Ngày 30/4/2022, ông Ngô Ngọc T thanh toán cho Ngân hàng 144.000.000 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu đồng chẵn).

+ Ngày 30/6/2022, ông Ngô Ngọc T thanh toán cho Ngân hàng 47.383.616 đồng (bốn mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm mười sáu đồng) và tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn phát sinh đến thời điểm đó.

- Trường hợp đến kỳ hạn trả nợ ông Ngô Ngọc T không thanh toán nợ gốc và lãi thì các bên thống nhất để ngân hàng xử lý tài sản đã thế chấp phát mãi để thu hồi nợ là: Nhà và đất tại thửa đất số 982, tờ bản đồ số 4m, địa chỉ: thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 605189 do UBND huyện H, thành phố Đ cấp ngày 01/6/2011; sổ vào sổ cấp GCN: CH04037, chủ sở hữu ông Ngô Ngọc T. Theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/4217585/HĐBĐ ngày 11/02/2015 và hiện trạng sử dụng đất là có một ngôi nhà cấp 4, kết cấu: tường gạch mái ngói, nền gạch men, sàn BTCT với diện tích xây dựng 94,6 m², diện tích sàn 196,5 m² (căn nhà được ghi nhận trong hồ sơ thế chấp của ngân hàng) và ngôi nhà 2 tầng, kết cấu: tường xây, nền gạch men, sàn BTCT, trụ bê tông, cửa nhôm kính xi pha, tường nhà bên trong phòng khách ốp gạch men cao khoảng 1,5m, cầu thang ốp đá, lang cang tay vịn bằng sắt, diện tích khoảng 85m² được xây dựng trên phần đất thế chấp sau khi thế chấp nhà và đất tại Ngân hàng được xử lý theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật dân sự để thu hồi nợ.

- Án phí dân sự sơ thẩm 7.809.590 đồng (Bảy triệu tám trăm lẻ chín nghìn, năm trăm chín mươi đồng), ông Ngô Ngọc T phải chịu.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) ông Ngô Ngọc T tự nguyện chịu, Ngân hàng đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nêu trên (đã thu và đã chi). Do đó, ông Ngô Ngọc T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí 7.408.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm lẻ tám nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0008150 ngày 11/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (theo địa chỉ);
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Vũ Hồng Hải